

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 14: Recreation](#)
  1. [A. Reading trang 102 - 103 - 104 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  2. [B. Language Focus trang 104 - 105 - 106 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  3. [C. Speaking trang 107 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
  4. [D. Writing trang 108 - 109 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

### Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 14: Recreation

A. Reading trang 102 - 103 - 104 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Part 1.** Read the passage and choose the best option A, B, C or D to indicate the word/phrase that fits each of the numbered blanks. (Đọc đoạn văn **sau** rồi chọn đáp án hợp lý nhất A, B, C hoặc D để chọn ra 1 từ/ cụm từ phù hợp cho mỗi chỗ trống được đánh số.)

#### Hướng dẫn dịch:

Ai trong **chúng** ta không thích giải trí? Thế giới giải trí là thế giới của sự thích thú. Qua nhiều thế kỷ, truyền thống múa, âm nhạc và sân khấu đã phát triển theo những cách khác nhau ở những nơi khác nhau. Khi bạn nghĩ về nó, tất cả các cộng đồng đã góp phần tạo nên một thế giới giải trí tuyệt vời. Múa rối bóng, opera, nhảy flamenco, và nhạc rock and roll đến từ những nơi khác nhau. Mỗi xã hội đều có nhịp điệu, câu chuyện và hình thức nghệ thuật riêng. Tuy nhiên, mỗi người có quyền gây ấn tượng cho mọi người từ những nơi khác.

Trong thời gian gần đây, phim ảnh, truyền hình và video giúp cho hàng triệu người có thể xem cùng một chương trình. Giải trí, từ ngọn lửa đỏ rực của Thế vận hội Olympic 1992 tại Barcelona đến buổi hòa nhạc của Rolling Stones ở New York, gần như là đều nằm ngay cạnh màn hình vô tuyến. Tuy nhiên, mọi người vẫn thích ngồi trong rạp xiếc, phòng hòa nhạc và nhà hát để thưởng thức các sự kiện giải trí một cách trực tiếp.

#### Đáp án:

1. A 2. C 3. A 4. C 5. D

**Part 2.** Read the paragraphs and choose the best option A, B, C or D to answer or complete each of the following questions. (Đọc các đoạn văn **sau** rồi chọn đáp án thích hợp nhất A, B, C hoặc D để trả lời hoặc hoàn thành các câu hỏi **sau**.)

#### Hướng dẫn dịch:

Louisa

Tôi thích tập piano. Tôi có một giáo viên giỏi, được gọi là Hoa hậu Rowe. Và tôi học violin. Tôi rất thích. Tôi đã học được khoảng 3-4 tháng nay. Trong thời gian rảnh rỗi, tôi cũng thu thập vỏ và đá, và tôi cũng đã thu nhập được rất nhiều. Tôi luôn luôn thích bơi lội ở biển. Tôi cũng thích đi xe đạp nữa.

Carsten

Vâng, tôi chạy rất nhiều trong rừng. Tôi cũng thích nghe nhạc. Tôi nghe nhạc nhưng không biết chơi. Tôi cũng thích nấu ăn, đó là sở thích của tôi. Tôi thực sự thích nấu ăn cho mọi người. Tôi vừa khám phá sở thích đọc truyện khoa học viễn tưởng. Tôi đọc sách khoa học viễn tưởng nhanh hơn nhiều so với các loại sách khác.

Patrick

Tôi dành rất nhiều thời gian rảnh rỗi để đi xem kịch, tôi thích nó hơn bất cứ thứ gì khác. Tôi có một căn nhà cũ cần sửa chữa rất nhiều, vì vậy tôi dành thời gian trang trí, sơn tường và chăm sóc ngôi nhà.

Josephine

Tôi rất quan tâm đến ngôn ngữ, bởi vì khi tôi đi ra nước ngoài, tôi muốn nói chuyện với những người ở đó. Tôi cố gắng để chơi guitar - tôi không chơi tốt nhưng mỗi tuần tôi đều đi gặp một người bạn và cả hai **chúng** tôi thích chơi với nhau. Tôi sống rất gần biển. Hầu như quanh năm tôi đều đi dạo dọc theo bờ, và vào mùa hè tôi đi bơi mỗi ngày. Vào mùa đông tôi thích đan - Tôi đan áo cho con và cháu của tôi, và tôi thích làm các mẫu khác nhau. Tôi dành rất nhiều thời gian để đọc, chủ yếu là tiểu thuyết, và tôi rất thích thơ - thi thoảng tôi cũng hay viết thơ nữa.

### **Đáp án:**

1. B 2. D 3. C 4. D 5. A 6. C

B. Language Focus trang 104 - 105 - 106 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Exercise 1.** Practise reading the sentences paying attention to the sounds /ts/, /dz/, /tʃ/, and /dʒd/. (Thực hành đọc các câu **sau**, **chú** ý đến các âm /ts/, /dz/, /tʃ/ và /dʒd/.)

### **Hướng dẫn dịch:**

1. Bất cứ khi nào anh ấy gặp tôi, anh ấy đọc cho tôi nghe bài thơ mới nhất của anh ấy.

- Hai cái đầu tốt hơn một cái, **cô** ấy nhắc **chúng** tôi vậy.
- Cô** ghét bị cha mẹ theo dõi sát sao.
- Họ tiếp tục đi trong bóng tối cho đến khi họ đến đường cao tốc.
- Khoảng cách đã được thu hẹp.

**Exercise 2.** Write the words in Exercise 1 which contain sounds /ts/, /dz/, /tʃt/, and /dʒd/ in their correct columns below. (Đọc các từ ở bài 1 chứa các âm /ts/, /dz/, /tʃt/ và /dʒd/ vào đúng cột.)

**Đáp án:**

/ts/   /dz/   /tʃt/   /dʒd/

meets   reads   watched   bridged

hates            reached

**Exercise 3.** Choose the best option A, B, C or D to indicate the sentence closest in meaning to the given sentence. (Chọn đáp án A, B, C hoặc D để chọn câu có nghĩa gần nhất so với câu được đưa ra.)

**Đáp án:**

1. B 2. A 3. C 4. D 5. B 6. D

**Exercise 4.** Choose the best option A, B, C or D to complete each of the sentences. (Chọn đáp án A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

**Đáp án:**

1. A 2. D 3. C 4. B 5. C

6. D 7. B 8. C 9. B

**Hướng dẫn dịch:**

- Tôi sợ rằng không có vị trí tuyển dụng nào đang trống trong **công** ty ngay lúc này.
- Tôi nghĩ **chúng** ta được tặng mỗi người 50 pao.

3. Cứ mỗi thứ Bảy **chúng** tôi lại theo dõi đội bóng địa phương của **chúng** tôi.
4. Cùng bắt đầu ngay bây giờ. Không có thời gian như hiện tại.
5. Tất cả các bạn hứng thú với **công** việc sẽ đi uống cafe.
6. Có 2 cái giường. Bạn có thể ngủ cái nào cũng được, nó không vấn đề gì cả.
7. Sally đã tặng quà cho từng người **chúng** ta.
8. Và ngôi sao của buổi diễn của **chúng** ta không ai khác chính là Nick Carter.
9. Sếp của tôi đã trao cho tôi mọi cơ hội để thành **công**. Tôi rất biết ơn **cô** ấy.

### C. Speaking trang 107 SBT Tiếng Anh lớp 11

Lan and Nam are discussing plans for their weekend. Write the questions for the answers in their conversation. (Lan và Nam đang bàn luận kế hoạch cho cuối tuần của họ. Viết các câu hỏi cho các câu trả lời trong cuộc hội thoại của họ.)

#### Hướng dẫn dịch:

Lan: Cậu có kế hoạch cho cuối tuần chưa?

Nam: Chưa, mình chưa có kế hoạch gì cả.

Lan: **Chúng** ta sẽ đi xem phim chứ?

Nam: Phim à? Mình không nghĩ rằng đó là một ý tưởng hay. Giờ chẳng có bộ phim nào hay ở rạp cả.

Lan: Đi picnic ở vùng nông thôn thì sao?

Nam: Ok, **chúng** ta cùng đi nhé. Mình luôn thích nghỉ ngơi thư giãn ở vùng quê.

Lan: Nhưng bạn nghĩ **chúng** ta có thể đi đâu?

Nam: **Chúng** tôi có thể đến khu nghỉ mát Thái Hà.

Lan: Nó rất xa phải không?

Nam: Không, nó không xa lắm. Chỉ cách thành phố khoảng 30 km.

Lan: **Chúng** ta sẽ tới đó như thế nào?

Nam: Theo tớ mình nên đi xe máy. Sẽ tiện hơn so với đi bằng ô tô.

Lan: **Chúng** ta có phải mang theo một ít thức ăn không?

Nam: Không, **chúng** tôi không phải mang thức ăn. Họ nói rằng có một nhà hàng rất ngon ở đó. Và đồ ăn không đắt lắm.

Lan: **Chúng** ta bắt đầu lúc 7.00 giờ chứ?

Nam: Tuyệt vời! 7.00 giờ sáng thứ bảy không phải muộn.

Lan: **Chúng** ta sẽ gặp nhau ở đâu?

Nam: **Chúng** ta sẽ gặp nhau ở cổng trường. Gặp lại **sau** nhé.

### Đáp án:

1. Have you got any plans for the weekend yet?
2. Shall we go to the cinema?
3. Let's go for a picnic to the countryside.
4. But where do you think we could go?
5. Is it very far?
6. How shall we go there?
7. Shall we have to bring some food with us?
8. Shall we start at 7.00 o'clock?
9. Where shall we meet then?

### D. Writing trang 108 - 109 SBT Tiếng Anh lớp 11

**Exercise 1.** Choose the best option A, B, C or D to indicate the correct sentence made from the given words and phrases. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để có được câu văn đúng được tạo từ các từ và cụm từ đã cho.)

### Đáp án:

1. A 2. C 3. D 4. A 5. B 6. D 7. A

**Hướng dẫn dịch:**

1. Đua ngựa là một môn thể thao rất phổ biến ở Anh.
2. Trải nghiệm đáng xấu hổ nhất của tôi đã xảy ra khi tôi vừa mới rời đại học.
3. Cô ấy thích đi dã ngoại.
4. Bạn có nghĩ rằng thời tiết thế này là đủ tốt cho một chuyến dã ngoại?
5. Chúng tôi đã đi Đà Lạt trong kỳ nghỉ của chúng tôi và ở tại một khách sạn gần Hồ Xuân Hương.
6. Kỳ nghỉ đã rất thú vị mà chúng tôi đã không muốn quay trở lại để học tập.
7. Cô ấy đã hứa sẽ gửi bưu thiếp cho chúng tôi ngay khi cô ấy đến London.

**Exercise 2.** Write a paragraph about how you often spend your free time. Use the questions below as cues. (Viết 1 đoạn văn về cách bạn sử dụng thời gian rảnh. Sử dụng các gợi ý sau.)

- Do you have much free time? (Bạn có nhiều thời gian rảnh không?)
- When do you often have free time? (Bạn có thường xuyên có thời gian rảnh không?)
- What do you enjoy doing most in your free time? (Bạn thích làm gì nhất trong thời gian rảnh của bạn?)
- Do you do it alone or with somebody else? (Bạn làm nó một mình hay với ai đó?)
- Why do you enjoy doing it? (Tại sao bạn lại thích làm việc đó?)

**Bài mẫu:**

In my free time, I always read books. I have many hobbies, but I like reading most. Books are always a good friend to me. It is a good way to improve my vocabularies by gaining many new words. I started to reading book when I was in grade 3. My brother inspired me to do that. I usually share my hobby with my friend and my English teacher. By reading, I get better concentration because it requires me to focus on what I am reading for a long period. It also helps me widen my knowledge about the world. Reading books tells me about the world's history, let me see the structure of the brain, or bring me a story of Sherlock Holmes. I think reading is one of the most interesting indoor activity and I will keep this hobby for as long as possible.

**Hướng dẫn dịch:**

Trong thời gian rảnh rỗi, tôi luôn đọc sách. Tôi có nhiều sở thích, nhưng tôi thích đọc nhiều nhất. Sách luôn là bạn tốt của tôi. Đó là một cách hay để cải thiện từ vựng của tôi bằng cách thu được nhiều từ mới. Tôi bắt đầu đọc sách khi tôi học lớp 3. Em trai tôi đã truyền cảm hứng cho tôi làm điều đó. Tôi thường chia sẻ sở thích của mình với bạn tôi và giáo viên tiếng Anh của tôi. Bằng cách đọc, tôi đạt được sự tập trung tốt hơn bởi vì nó đòi hỏi tôi phải tập trung vào những gì tôi đang đọc trong một thời gian dài. Nó cũng giúp tôi mở rộng kiến thức của mình về thế giới. Đọc sách cho tôi biết về lịch sử thế giới, cho tôi xem cấu trúc của não bộ, hoặc mang lại cho tôi một câu chuyện về Sherlock Holmes. Tôi nghĩ đọc sách là một trong những hoạt động thú vị nhất trong nhà và tôi sẽ giữ sở thích này càng lâu càng tốt.